

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 386****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Minh Tuệ****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 28.4.2011****Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giảng, trang 478, hàng thứ hai, bắt đầu từ câu cuối cùng, xem từ hai chữ sau cùng.

Sớ sao nói rằng: “Vãng sanh tịnh độ, cần có lòng tin, nghìn người tin có nghìn người vãng sanh, vạn người tin có vạn người vãng sanh, tin danh hiệu Phật, chư Phật đến cứu, chư Phật hộ trì, tâm luôn nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật, mới gọi tin sâu, tùy ý sớm hôm, cuối cùng không còn ở cõi Diêm phù đề, chỉ có phát lòng tin là thiết yếu nhất.”

Trong Di Đà Kinh Sớ Sao, những lời này của đại sư Liên trì rất quan trọng, có thể nói hoàn toàn tương đồng với bản kinh Vô Lượng Thọ đang nói đây. Niệm Phật, thật sự cầu sanh Tịnh độ, dứt khoát phải có niềm tin vững chắc, có niềm tin như vậy rất khó, thực tế không dễ dàng chút nào. Muốn có lòng tin này, phải là một người có phước báo lớn nhất thế gian, vì sao vậy? Vì trong đời này quý vị đã làm Phật. Nói chuyện làm Phật, pháp thế gian hay xuất thế gian đâu có bảo dễ? Đến đỉnh điểm đấy. Phật là bậc đầy đủ phước huệ, khi ta tụng bài Tam qui: “Qui y Phật, nhị túc tôn”, thứ nhất là trí tuệ đầy đủ, thứ hai là phước báo đầy đủ, bậc đầy đủ phước và huệ, túc ở đây là đầy đủ, có nghĩa tròn đầy. Nếu không phải là bậc đại trí tuệ, đại phước đức, họ sẽ không tin. Thực sự tin tưởng, quý vị thử xem những người nông dân vất vả ở nông thôn, có khi mù chữ, nhưng họ có niềm tin vững chắc, quý vị nói là họ tin, họ thành thật niệm, cuối cùng khi quý vị thấy họ vãng sanh được tự tại, được thông dong, đi làm Phật, chúng ta không thể coi thường họ. Đó là những người có phước báo, có trí tuệ lớn nhất thế gian, nên pháp này gọi là pháp khó tin.

Ai là những người khó tin, là phần tử trí thức. Hàng thượng trí hạ ngu đều dễ dàng, hàng thượng trí chỉ nghe là họ hiểu và tin ngay. Hàng hạ ngu như bà lão chẳng hạn, bà không hiểu một thứ gì nhưng trong quá khứ bà đã có thiện căn phước đức, khi gặp nhân duyên, quý vị nói với họ, họ tin ngay. Người thợ hàn mù chữ, nhưng anh ta tin, anh ta kiên trì niệm trong ba năm liền được vãng sinh, đứng vãng sanh. Khi vãng sanh còn đứng ba ngày chờ hòa thượng đến lo hậu sự cho.

Việc vãng sanh của Pháp sư Tu Vô ở chùa Cực lạc, ngài xuất thân từ một người thợ hồ mù chữ, khi vãng sanh rất thông dong. Chùa Cực lạc vừa mới làm xong, pháp sư Đàm Hư là người có nhân duyên rất sâu sắc với Hongkong, những năm cuối đời ngài thường đến Hongkong. Như pháp sư Sướng Hoài, Đại Quang, đều là học trò của ngài, khi chùa vừa xây xong, ngài làm trụ trì, pháp sư Định Tây làm tri sự. Khi đạo tràng đã lập xong, việc đầu tiên ngài muốn thực hiện là mở giới đàn, thỉnh Lão hoà thượng Đế Nhàn làm hoà thượng đắc giới, tất nhiên việc mở giới đàn cần rất nhiều người góp sức, sư Tu Vô là người ngoài đến, thầy phát tâm làm công quả tại đạo tràng, thầy được cất cử làm người coi sóc bệnh nhân. Lúc đó giới đàn kéo dài ba tháng, trong ba tháng đó, một số người khó tránh khỏi ốm đau lặt vặt, cần có người săn sóc, thầy bèn phát nguyện đảm đương công việc đó, làm rất chăm chỉ. Song không bao lâu, thầy thưa với hoà thượng xin nghỉ, thầy muốn ra đi. Pháp sư Đàm Hư là một người rất đức độ, việc đi hay ở của người xuất gia là tự do, không có ý kiến gì. Nhưng pháp sư Tây Định không có định tâm như lão hoà thượng, bèn trách cứ thầy: Thầy là người xuất gia mà không kiên nhẫn, giới đàn chỉ chín mươi ngày, sao thầy lại bỏ đi? Thầy Vô Tu trả lời: Tôi không phải đến nơi khác, mà tôi đến thế giới Cực lạc. Hai vị hoà thượng vừa nghe, hoảng hốt: Đến thế giới Cực lạc, lúc nào đi? Không quá mười ngày. Nói rồi thỉnh những vị thường trú tăng chuẩn bị cho thầy hai trăm cân củi để làm lễ trà tì. Đến hôm sau thầy lại đến tìm hoà thượng, bạch hoà thượng: Ngày mai con sẽ đi. Mọi người lại gấp rút giúp sư lo hậu sự. Quả thực đến hôm đó sư đi thật, mấy người niệm Phật giúp sư vãng sanh, những người niệm Phật thấy sư rất tự tại, vẫn cứ ngồi trên giường, họ thưa: Bạch thầy, thầy đến thế giới Cực lạc, xin để lại cho chúng con bài thơ hay vài câu kệ làm kỉ niệm. Sư nói với mọi người: Cả đời tôi vất vả, xuất gia cực khổ lắm, toàn làm việc nặng nhọc mà lại mù chữ, không biết làm thơ, không biết viết kệ, sau cùng tôi chỉ nói một câu rất chân thành với tất cả mọi người để quý vị làm kỉ niệm. Thầy đã nói gì? “Nói được mà không làm, đó không phải là chân trí huệ”. Chỉ để lại một câu như thế để mọi người làm kỉ niệm. Ngày giới đàn khai giới, pháp sư Đế Nhàn cũng có mặt, thấy thầy như thế, ngài hoan hỉ lắm, khen: Đây mới là tấm gương sáng nhất của người xuất gia, trong sáng như thế, tự tại như thế, cả đời không biết một thứ gì ngoài một câu A Di Đà Phật, kinh cũng không tụng, chỉ một câu A Di Đà Phật. Sau khi xuất gia, ở trong chùa, việc người khác không chịu làm sư vẫn làm, đó là tu khổ hạnh.

Chúng ta thấy, giống như những người này, bình thường cho đó là người hạ hạ căn, nhưng họ có niềm tin, rất muốn đi, cuối cùng việc đi của họ thành công. “Ngàn người tin ngàn người vãng sanh, vạn người tin vạn người vãng sanh”, những người không tin thì không còn cách nào. Không tin là gì? Không muốn đi.

Quý vị xem thử từ giai đoạn Dân quốc đến nay, biết bao người làm tấm gương tốt như thế để chúng ta soi, từ trong nước ra nước ngoài đều thấy, không phải giả, việc này là có thật.

Bộ sách này, đặc biệt là hội tập của Hạ Liên Lão, Hoàng Niệm Lão chú giải, chú thích rất rõ ràng. Chúng ta nên biết ơn hai vị ấy, đặc biệt là lần học chú giải này, chia sẻ với tất cả mọi người, trong đây nói một cách rất ráo thế giới Cực lạc. Trong quốc độ của chư Phật mười phương, không có một cõi nước nào như thế giới Cực lạc, đây là một môi trường học tập tốt nhất, đạo tràng này do Phật A Di Đà kiến lập, rất khó khăn. Phật A Di Đà khi còn ở nhân địa, xuất gia tu hành là tì kheo Pháp Tạng, đã phát bốn mươi tám lời nguyện, tu hành năm kiếp, một thời gian dài như thế, mỗi lời nguyện đều được thực hiện. Cho nên thế giới Cực lạc được thành tựu, tất nhiên nhân là tự tánh vốn đã đầy đủ, đức hạnh, đức năng, nhưng duyên, duyên là bốn nguyện Phật A Di Đà cùng với công đức tu hành của ngài. Vì vậy tất cả mọi thứ ở thế giới Cực lạc, đều không phải do con người xây dựng nên, nơi đó không phải do con người thiết kế, không có người kiến tạo mà tự nhiên thành tựu. Những việc như thế, bây giờ chúng ta có thể hiểu được. Trong kinh đức Phật thường nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Những thứ đó do tâm tạo nên, tâm tưởng có sức đến như thế không? Có. Chúng ta cũng có tâm tưởng nhưng chúng ta không biến ra được. Vì sao vậy? Vì tâm chúng ta tán loạn, năng lực tưởng của chúng ta không tập trung, nhưng năng lực của ngài lại tập trung.

Giống như ánh sáng, quý vị thấy sức mạnh của ánh sáng rất lớn. Ngày nay khi chúng ta bật đèn, ánh sáng chiếu khắp nơi, nhưng cách một tờ giấy thì ánh sáng đó không thể xuyên thấu, nhưng nếu dồn ánh sáng lại thành luồng sáng thì nó có thể đâm xuyên một tấm thép, quý vị nghĩ ánh sáng đó mạnh đến nhường nào, đó gọi là tia laser. Không để nó phát tán xung quanh, dồn nó lại một nơi, một hướng thì sức mạnh của nó rất lớn! Vì thế đức Phật dạy: “ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Nếu chúng ta có thể giữ tâm lại một chỗ thì ta có thể cắt đứt phiền não, không chỉ cắt đứt kiến tư phiền não, trần sa phiền não, mà vô minh phiền não cũng cắt đứt được. Thiên định dựa trên nguyên lý nào? Đưa tâm về một chỗ, giữ nó lại một chỗ. Việc này nói thì dễ nhưng rất khó khi thực hiện.

Ngày nay chúng ta niệm Phật nhưng không thể nhiếp tâm, phương pháp niệm Phật, trong cuốn Viên Thông Chương, Bồ tát Đại Thế Chí đã nói rất rõ: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn còn rất nhiều tạp niệm, nhiều vọng tưởng, đây là do tâm tán loạn, niềm tin của ta chưa vững chắc, nên sức niệm của ta chưa đủ lực. Nếu nhiếp tâm được, tức là tâm không chạy theo ngoại cảnh, chỉ tập trung vào một câu danh hiệu A Di Đà Phật, ngoài câu A Di Đà Phật không còn nhớ nghĩ gì khác. Được thế thì sức

manh của nó rất lớn, sức mạnh này có thể diệt phiền não ngay bây giờ, thậm chí cắt đứt mọi tập khí.

Thiền sư Trung Phong, đời nhà Nguyên, tác giả cuốn Tam thời hệ niệm Pháp sư, đã có hai câu khai thị rất hay: “Tâm ta là Phật A di đà, Phật A di đà là tâm ta. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Khi chuyển chánh báo thì y báo cũng chuyển theo, y chánh không hai. Điều hiếm thấy, thù thắng trong tông Tịnh độ. Tịnh tông được sự khen ngợi của tất cả chư Phật là bởi phương pháp quá tuyệt vời, chỉ cần ta nhiếp tâm là có thể thu nhiếp được sáu căn. Nhiếp tâm là nhất niệm, chỉ một phương hướng, một mục tiêu thì có thể thành Phật. Đến thế giới Cực lạc là đi làm Phật, vì vậy ngàn người tin tưởng thì có ngàn người vãng sanh, vạn người tin tưởng thì có vạn người vãng sanh. Tin danh hiệu Phật tức là tin Phật A di đà, điều này cực kì quan trọng. Vậy tại sao mọi người không tin? Không biết thế giới Cực lạc ở đâu, hoặc biết thế giới Cực lạc nhưng nhận thức không đầy đủ. Vẫn còn tham luyến cõi đời này, vẫn chưa buông bỏ được.

Chư Phật Bồ tát ứng hoá tại thế gian để làm gương cho chúng ta, đó là một công việc cần làm, cần giúp đỡ tất cả chúng sanh. Nhưng các ngài tùy duyên diệu dụng, tùy duyên đó là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, diệu dụng là không chấp trước hình tướng, không có sự nhiễm ô, tâm địa thanh tịnh, không hề bị sự quấy nhiễu, đày gọi là diệu dụng. Hiểu rõ nhân quả, tánh tướng, lí sự vạn pháp của vũ trụ. Độ chúng sanh có ý niệm độ chúng sanh hay không? Không, thực sự là không. Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian này, ngài có khởi tâm động niệm không? Không. Bốn mươi chín năm thuyết pháp giảng kinh có động niệm không? Không, hoàn toàn không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là diệu. Vì sao ngài có thể hiện thân? Sao có thể thuyết pháp? Tự nhiên. Chúng sanh có cảm, chúng sanh động tâm là có cảm, chư Phật Bồ tát ứng, nhưng khi ứng lại không khởi tâm, không động niệm. Ứng là thế nào? Ứng là đáp ứng, giống như khi ta đánh trống, vừa đánh là có tiếng vang, cái trống không có sự tính toán, tôi làm sao ứng với các bạn? Không có sự suy nghĩ. Đánh mạnh thì nó kêu to, đánh yếu thì nó kêu nhỏ, không đánh thì không kêu. Chúng ta nhớ đến Phật, mong ngài gia hộ, ngài liền đến ngay. Chúng ta khởi tâm động niệm nhưng Phật không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm gọi là diệu giác, khởi tâm động niệm là không diệu, là phàm phu. Vì sao lại có phản ứng? Đây là bản năng tự nhiên, vì vậy khi về cõi Thường tịch quang mà vẫn phản ứng, không phải nói về cõi Thường tịch quang rồi thì không có phản ứng, không phải như thế. Cõi thật báo vẫn còn hình tướng, sắc tướng nhưng không khởi tâm động niệm. Vì sao có hình tướng, không khởi tâm động niệm liệu có sắc tướng không? Vì họ chưa cắt đứt tập khí vô thỉ vô minh, tập khí biến thành cõi thật báo, hay còn gọi là cõi pháp tánh, thân pháp tánh. Những người sống trong cõi đó chắc

chấn không còn phân biệt, chấp trước, không những không còn phân biệt chấp trước mà khởi tâm động niệm cũng không còn. Nếu tập khí vô trí vô minh đã được cắt hết thì cảnh giới đó cũng không còn, đúng như câu “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, trong bao gồm cả cõi thật báo trang nghiêm. Cuối cùng chỉ còn lại Thường tịch quang độ không sanh không diệt. Cõi Thường tịch quang không có hiện tượng nhưng ở đó cái gì cũng đầy đủ, đầy đủ tất cả.

Như trong kinh Hoa nghiêm, Phật đã dạy chúng ta: Tất cả chúng sinh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, bao gồm tất cả. Như lai ở đây là tự tánh, trong tự tánh đã đầy đủ trí tuệ, đức năng. Đức năng là năng lực, nói theo cách nói ngày nay. Chuyện gì quý vị cũng hiểu, đó là vạn đức vạn năng, tướng ở đây là tướng hảo. Ý, chánh trang nghiêm đầy đủ tất cả, không khiếm khuyết thứ gì. Phật thường dạy: “Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tất cả vạn pháp đều do tâm hiện, tất cả những sự biến hoá đều do thức vẽ ra, đó là phân biệt chấp trước. Khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước thì biến hoá. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, không còn biến hoá. Vì vậy cõi Thật báo không thay đổi.

Trong Phật pháp thường nói là chân và vọng, biến hoá là vọng, không thay đổi là chân, vì thế cõi Thật báo trang nghiêm không thay đổi, chúng ta gọi đó là nhất chân pháp giới, mười pháp giới là thiên biến vạn hoá, con người sống trong mười pháp giới có phân biệt chấp trước. Người trong cõi Thật báo trang nghiêm không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm động niệm. Vấn đề này ta cần hiểu rõ, cần học tập. Học tập ở đâu? Trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, công việc, trong cách đối nhân xử thế. Học gì? Học không khởi tâm, không động niệm. Việc học Phật, rất khó, không làm nổi. Không làm nổi thì học theo Bồ tát, vì Bồ tát không phân biệt, không chấp trước, có thể học. Nếu vẫn không được, học A la hán, A la hán chỉ có một hình thức đó là không chấp trước, nhưng họ vẫn khởi tâm động niệm, vẫn phân biệt, nhưng không chấp trước. Khi học được hạnh không chấp trước thì không còn luân hồi lục đạo nữa. Quý vị có biết luân hồi sáu đường từ đâu mà có không? Do chấp trước, có chấp trước là có sáu đường. Chúng ta thường nói chấp trước tình cảm, khi hết chấp trước về tình cảm thì sáu đường không còn. Phân biệt, chấp trước không còn thì pháp giới Tứ thánh cũng hết. Tứ thánh là Tịnh độ, sáu đường là uế độ. Tứ thánh là Tịnh độ, cõi phương tiện hữu dư ở thế giới tây phương Cực lạc, tương đương với pháp giới Tứ thánh. Cõi phàm thánh đồng cư tương đương với sáu đường. Song thế giới Cực lạc chỉ có hai đường, không có sáu đường, ở đó chỉ có cõi trời và cõi người, không có ba đường ác, không có La sát, không có A tu la. Ở đó chỉ có người hiền, nhân lành, quả tốt, không có nhân ác, không có ác báo. Chúng ta hiểu rõ những vấn đề này, không những bỏ ác làm lành, tiến thêm một bước nữa là xa rời cả nhiễm và tịnh, lúc đó mới có thể đặt chân đến cõi Thật báo. Cõi Thật báo không có

niệm tịnh, hoàn toàn không có những sự đối lập, khái niệm ta và người khác cũng không có, không có khái niệm Phật và chúng sinh, tất cả đều bình đẳng, đúng là không thể nghĩ bàn.

Niệm lão chú giải bộ kinh này, đã dẫn chứng hơn một trăm chín mươi bộ kinh, luận, nói rất sâu sắc, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, phần trước đã nói nhiều, phần tiếp theo lại nói, không ngại sự trùng lặp, càng trùng lặp càng thâm thía, đúng như người xưa thường nói: “đọc sách ngàn lần, mới thấy được nghĩa lí”. Nghĩa là thế nào? một ngàn lần thì tâm ta tự nhiên định tĩnh, khi tâm định thì chứng đắc tam muội. Đọc sách một ngàn lần quý vị sẽ giác ngộ, sẽ hiểu ra, không cần ghi nhớ nhưng ấn tượng của nó rất sâu sắc, lúc đó lên khai ngộ, chứng định khai ngộ. Một lần, hai lần, mười lần, hai mươi lần không được, không định được, không khai ngộ được. Sau khi khai ngộ rồi, tất cả đều thông đạt, những vấn đề chưa học cũng biết, vấn đề này chúng ta phải tin tưởng. Người học Phật mà không tin những vấn đề như thế này thì thật đáng tiếc.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm một tấm gương cho chúng ta, ngài thị hiện làm một phân tử trí thức. Ngày nay chúng ta gọi là phân tử trí thức, học giỏi, học rộng nghe nhiều, vấn đề gì cũng muốn tìm hiểu. Mười chín tuổi đã rời gia đình đi cầu học, lúc bấy giờ trình độ văn hoá đất nước Ấn độ đứng đầu thế giới, vượt qua cả Trung quốc, là một quốc gia đa tôn giáo và cũng là một quốc gia có nền triết học phát triển. Người Ấn độ, bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế, đều rất coi trọng thiên định, vì thế số người tu thiền rất phổ biến, số người đắc định cũng rất đông, không thể thống kê hết được. Tứ thiền bát định là của Bà la môn giáo, không có trong kinh điển Phật giáo, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni đã ứng dụng thành công và chứng tứ thiền bát định. Quý vị biết rõ tất cả những chuyện trong sáu đường, là vì quý vị thấy rõ, thâm nhập cảnh giới đó, bên trên là cõi trời Phi tướng phi phi tướng, bên dưới là địa ngục Vô gián, biết rõ nghiệp nhân quả báo. Cảnh giới Hiện lượng không phải lí tưởng, không phải suy đoán, mà tự mình thấy được, sờ mó được.

Song muốn hỏi tại sao lại có lục đạo? Sáu đường từ đâu mà có? Ngoài sáu cõi còn có thế giới khác nữa không? Những vấn đề như thế không ai đủ sức trả lời. Vì thế đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã vì chúng ta mà thị hiện, bỏ sự cầu học, nhập định dưới cây Tất bát la bên bờ sông Hằng, càng thâm nhập vào thiên định, những gì học được sau mười hai năm ngài liền buông bỏ, đây gọi là buông bỏ cái gì? Nói theo ngôn ngữ bây giờ là buông bỏ sở tri chướng. Mười chín tuổi xuất gia là buông bỏ phiền não chướng, hai giai đoạn. Lại thêm mười hai năm học hỏi, buông bỏ luôn sở tri chướng mới đại triệt đại ngộ. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh không có những thứ đó, không có phiền não, không có sở tri. Bất nhã vô tri nhưng vô sở bất tri. Quý vị muốn đạt đến

vô sở bất tri, thì trước phải đạt được vô tri. Vô tri rồi sau đó mới vô sở bất tri. Vô sở bất tri từ đâu mà có? Tự tánh. Quý vị thấy tánh rồi, trong tánh đức đại sư Huệ Năng đã nói: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, tất cả mọi thứ đều vô lượng, quý vị đều hiểu rõ.

Vì vậy người phương Đông học những thứ này, nó có hiệu quả, có thể giải quyết mọi vấn đề. Trong sáu đường, đường nào có vấn đề cũng có thể được giải quyết, đó là thầy của trời người, không cần học một thứ gì cả, học nhiều để làm gì? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đặc định là khai tuệ.

Người Ấn độ làm theo phương pháp đó, người Trung quốc cũng đi theo con đường này. Khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, họ đã dùng phương pháp của người Ấn độ, nhà Nho cũng tiếp nhận, Đạo giáo cũng tiếp nhận. Vì thế, Nho, Thích, Đạo đều có những bậc đại Thánh đại Hiền xuất hiện ở thế gian, nước ngoài không có. Nước ngoài chỉ có những nhà khoa học, những nhà triết học, họ không tu định, họ không khai ngộ, những vấn đề như thế chúng ta không thể không biết. Việc tu học của chúng ta, có mục tiêu, định hướng, công đức danh hiệu đức Phật A Di Đà thực sự là không thể nghĩ bàn. Phần trước chúng ta đã nói rất nhiều, phần sau vẫn tiếp tục nói, khi rõ ràng đã thấy công đức đó là không thể nghĩ bàn, thì quý vị mới cố gắng đề niệm, mới vui vẻ niệm. Niệm một câu A Di Đà Phật thì đã nghĩ đến cả hư không biến pháp giới. “Tin danh hiệu Phật” tức là Nam mô A Di Đà Phật, hoặc chỉ A Di Đà Phật.

Khi còn tại thế, đại sư Liên Trì niệm Phật, ngài chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, có người hỏi ngài: Ngài có dạy cho người khác không? Có, dạy cho mọi người niệm Nam mô A Di Đà Phật nhưng bản thân tôi chỉ niệm A Di Đà Phật. Mọi người lại hỏi: Vì sao vậy? Ngài nói với mọi người: Tôi quyết kiếp này sẽ sanh về cõi Tịnh độ, nên tôi niệm bốn chữ, bởi vì trong kinh nói chấp trì danh hiệu, danh hiệu chỉ có bốn chữ. Hai chữ nam mô có nghĩa là qui y, cung kính, là lời khách sáo nên tôi không cần niệm hai chữ đó, tôi niệm trực tiếp luôn, trì danh, chấp trì danh hiệu. Những người không muốn sanh về cõi Tịnh độ mới niệm đủ sáu chữ. Cung kính, lễ bái Phật A Di Đà, như thế cũng tốt, quý vị sẽ có phước, vì thế thêm vào hai chữ nam mô, đó mới chỉ là chuyện được phước. Không niệm hai chữ nam mô, đúng là người muốn được vãng sanh, hoàn toàn nghe theo lời dạy của đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà bảo chúng ta chấp trì danh hiệu, chúng ta niệm bốn chữ đó, không sai khác. Đại đạo, càng là đại đạo, là con đường chân chính lại giản đơn, giản dị, bình thường, tuyệt không rườm rà, mới có thể thành tựu. Quý vị xem một số người chỉ niệm một câu A Di Đà Phật mà khai ngộ.

Đầu năm Dân quốc, có một vị pháp sư tôi không nhớ tên, trong một cuốn phim vẫn còn, có thể xem, hoà thượng mang nến phoi, câu chuyện này rất nhiều người biết. Vị này rất thật thà, không thông minh lắm. Mùa hè mọi người mang quần áo ra phoi, quý sư mang kinh sách ra phoi, có người nói với sư- vì thầy là người làm công việc hương đăng- thầy hương đăng, thầy quản lý việc nhang đèn, nên mang đèn cây ra phoi đi. Rốt cuộc mang ra phoi đèn cây đã cháy hết. Chiều tối, khi công phu tối thì không có nến để thắp, sư bèn đem những cây nến đã cháy đó đốt lên, thầy Duy na thấy thế vội cười chê, báo lên lão hoà thượng, lão hoà thượng bảo, được rồi cho thay người khác, không cho sư làm hương đăng nữa. Con người sư thật thà, người thật thà có phước, họ sẽ thành công. Phương trượng hiểu rất rõ sư, bèn gọi sư về chùa A Dục Vương, nơi đang tôn thờ xá lợi đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lễ bái xá lợi, một ngày ba ngàn lay, sau ba năm thì sư khai ngộ. Sư có thể làm thơ, sáng tác kệ, sư là người không biết chữ như đại sư Huệ Năng, nên phải nhờ người khác viết giúp, rồi mang đến hoà thượng xem, hoà thượng xem thầy sư thực sự khai ngộ. Sau khi đã khai ngộ, hoà thượng mời sư giảng kinh, mỗi lời của sư đều là đạo, vì vậy, ai là người có phước? Người thật thà, người thật thà mới dễ thành công.

“Chúng ta tin Phật A Di Đà thì chư Phật liền đến cứu”. “Chư Phật” ở đây có hai ý: Một là chư Phật là Phật A Di Đà, chư Phật được kinh Di Đà nói đến đều là Phật A di đà, trong chú giải của đại sư Ngẫu Ích nói rất rõ. Một ý khác là chư Phật trong mười phương, mười phương chư Phật không ai là không khen ngợi đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Đệ tử Di đà, có vị nào không được tôn trọng! Tôn trọng Phật A Di Đà, ngay đệ tử của Ngài còn được tôn trọng, vì lí do đó mà chắc chắn được chư Phật gia hộ.

“Tâm thường nhớ Phật”, luôn luôn nhớ Phật, nhớ đến bốn mươi tám lời nguyện, năm kiếp tu hành, ân đức vô lượng vô biên vô tận của Phật, kiến lập đạo tràng ở thế giới Cực lạc, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn trong thế giới mười phương, đặc biệt là chúng sanh trong sáu đường, khiến cho chúng sanh trong sáu đường, có thể ngang bằng với Bồ tát, rốt ráo viên mãn trong đời này. Kinh Di đà nói, “chư thượng thiện nhân”. Ở thế giới Cực lạc, chư thượng thiện nhân là ai? Là Bồ tát Đẳng giác. Nói theo kiểu này, thì thế giới Cực lạc hạng người nào là nhiều nhất? Bồ tát Đẳng giác, vì “chư thượng thiện nhân ở cùng một chỗ”. Bồ tát Đẳng giác từ chỗ nào đến? Là Bồ tát đẳng giác ở thế giới mười phương, đều đến thế giới cực lạc. Bồ tát Đẳng giác là hàng thượng thượng căn, họ biết rằng họ cần gần gũi đức Phật A Di Đà để thành Diệu giác nơi thế giới Cực lạc. Ở thế giới Cực lạc, những vị này cùng lúc có tác dụng làm gương cho những chúng sanh ở cõi dưới như Phương tiện độ, Đồng cư độ. Giống như nói làm trợ giáo cho Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc, khiến

cho tín tâm của họ đạt đến viên mãn, đức tin viên mãn là thành Phật. Điều này quý vị không thấy ở bất kì một cõi nào khác.

“Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật- xưng Phật tức là niệm Phật, thân thường kính Phật”. Phần trước tôi đã nói với quý vị, chúng ta nên mở rộng lòng mình ra, vạn sự vạn vật trong tất cả thế giới hư không đều từ tự tánh biến hiện ra. Chúng ta đã học trong Hoàn Nguyên Quán, đó là chân chứ không phải giả, hiển nhất thể, đó là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Vấn đề này triết học gọi là bản thể, triết học chưa phát hiện, tất cả bản thể luận đều rất mơ hồ, không rõ ràng. Bản thể luận là nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu, nó từ đâu mà có? Ít nhất phải có một nơi sinh ra nó. Kinh điển Đại thừa nói rất rõ, thể của nó là tự tánh thanh tịnh viên minh, khởi lên hai tác dụng, hai dụng liền hiện y, chánh. Y báo là vạn sự vạn vật trong thế giới hư không, chánh báo là thân thể chúng ta đây, chánh báo không chỉ người khác, mà chỉ bản thân mình. Khi chúng ta ở thế giới Cực lạc phương Tây, bản thân mình là chánh báo, Phật A di đà và tất cả các vị Bồ tát là Y báo, đó chính là môi trường sống của ta, trong môi trường sống có môi trường nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, có môi trường tự nhiên, vì thế chánh báo chính là chúng ta. Nếu lấy thế giới tây phương Cực lạc làm chủ, thì chánh báo của thế giới Cực lạc là Phật A di đà, tất cả những người vãng sanh đến đó là Y báo của ngài. Y, chánh trang nghiêm.

Y báo và Chánh báo đều có ba loại chu biến, chúng ta không thể không biết, ba loại chu biến này ngày nay nói về khoa học, thứ nhất là chu biến pháp giới. Cảnh giới có mặt như thế nào? Các nhà khoa học ngày nay cho ta biết hiện tượng ba động, thật đúng như vậy, một niệm bất giác, đó là ba động. Vì sao ba động lại sinh ra vạn sự vạn vật? Các nhà khoa học cho rằng đó là sự khác nhau giữa tần số, tần số chậm sẽ sinh ra những vật cứng, nhanh sẽ sinh ra những thứ lỏng, nhanh hơn nữa sẽ sinh ra những chuyển động như dòng điện, ánh sáng, họ cho rằng tần số không giống nhau, toàn là do ba động. Vật chất là hiện tượng ba động, ý niệm, cũng là hiện tượng ba động, chỉ cần nó chuyển động lập tức biến khắp pháp giới, tốc độ này không cách nào so sánh được. Vì vậy tốc độ vật chất rất chậm, trong lúc đó tốc độ ánh sáng, một giây đi được ba mươi vạn Km, ánh sáng mặt trời chiếu đến quả đất cần hơn tám phút, ý niệm của ta vừa động liền chu biến pháp giới, đây chính là tự tánh, tự tánh không có cự li, không có thời gian, không có không gian, vì vậy vừa động là chu biến pháp giới.

Vật chất, như bàn ghế đây, tất cả đều là hiện tượng ba động, ba động của nó cũng chu biến pháp giới. Vì sao vậy? Nó không phải là vật lí mà là tánh lí. Tánh là tự tánh, là tánh lí, tánh lí của tự tánh chu biến pháp giới, nó không có kích thước, không có không gian, không có thời gian, vì thế cả vũ trụ là nhất

thể, chúng ta gọi là thể cộng đồng. Trên thực tế, nó không cần cộng đồng vì nó là nhất thể, cả vũ trụ là nhất thể. Khi chúng ta khởi tâm động niệm ai không biết? Chỉ bản thân mình không biết, vì tập khí phiền não ngăn che tự tánh. Phàm người nào có tâm thanh tịnh đều có thể biết, người không có tâm thanh tịnh thì không thể nhận ra. Tâm vốn là thanh tịnh bình đẳng giác, nó không thể không biết, tin tức này quan trọng hơn so với bất cứ thứ gì.

Nhận thức rõ vấn đề này rồi chúng ta mới có thể hiểu được, quả đất ngày nay đã có vấn đề, xã hội đã có vấn đề, địa cầu đã có vấn đề, chúng ta đã biết nguyên nhân tại sao. Liệu có phương pháp gì để hoá giải tai nạn này, khiến xã hội, khiến địa cầu trở lại nguyên trạng không? Có, mà lại rất dễ. Nhưng vấn đề bây giờ là ở đâu? Vấn đề ở chỗ không có niềm tin nên không có hướng giải quyết. Họ không tin cái gì? Không tin tự tánh của mình, tức là mê lầm, quên mất tự tánh. Chư Phật, Bồ tát, Đại Thánh, Đại Hiền là gì? Tức là tự tánh của quý vị, chứ không gì khác. Không có thứ gì không từ đức năng của tự tánh hiển lộ ra, từ trí tuệ của tự tánh hiển lộ ra, không gì khác. Vì thế không tin là gì? Không tin Phật đó là không tin chính bản thân mình, không tin tính giác ngộ trong con người mình, không tin Bồ tát là không tin tính bình đẳng của Bồ tát, không tin A la hán là không tin tính thanh tịnh của A la hán, thanh tịnh bình đẳng giác đều là tự tánh.

Tin Phật là gì? Phải hiểu được rằng, đầu tiên là tin chính mình. Những bậc cổ đức thường nói: “con người cần có sự sáng suốt tự biết về mình”, con người có thể tự hiểu mới là không phải người phàm. Về phương diện thế pháp anh ta mới là người quân tử, Thánh hiền. Phương diện Phật pháp, anh ta là Phật, Bồ tát, A la hán. Anh ta tự hiểu mình, tự hiểu là tự giác, vì vậy “thân thường kính Phật”, kính Phật tức là kính trọng tất cả mọi người, kính trọng trời đất vạn vật.

Sách Lễ Kí của thường nói, trong “Khúc Lễ” câu đầu tiên nói: “vô bất kính”, cung kính tất cả, vì sao vậy? Tánh đức, kính trọng bản thân mình.

Muốn thực hiện theo tất cả những câu nói này, thì phải “tùy ý sớm tối, cuối cùng không còn ở nơi cõi Diêm phù đề”. Diêm phù đề là địa cầu nơi chúng ta đang sống. Nói cách khác, quý vị có thể làm được, tùy ý, bất cứ lúc nào, quý vị sẽ không còn ở lại nơi địa cầu này, luân hồi trong sáu đường, quý vị siêu việt rồi. Bất cứ lúc nào quý vị cũng có thể đến thế giới Cực lạc, muốn đi lúc nào cũng được, đến thế giới Cực lạc là thành Phật. “Thử”, là như thế, phát lòng tin như thế, là cần thiết nhất. Những lời khai thị này giúp chúng ta, khuyến khích chúng ta nên phát lòng tin, nhất là tin bản thân mình, Phật chính là ta, tất cả chúng sinh đều là ta, cây cỏ hoa lá đều là ta, sơn hà đại địa đều là ta, nên lắng lòng để suy nghĩ.

Đoạn kế tiếp “đặc tiêu”, đặc biệt chỉ ra: “Một niệm tin thuần khiết, chí tâm muốn sanh, liền theo nguyện được sanh, công đức không kể hết được”. “Nhất niệm”, kinh Đại thừa nói: Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Nhất niệm ở đây là nhất niệm mà Bồ tát Di lạc đã đề cập đến, nhất niệm đã giác ngộ thì mọi niệm khác đều giác ngộ.

Hội số viết: “biết rõ nguyên nhân vãng sanh chỉ ở chỗ tin nhất niệm, không cứ niệm nhiều ít”. Đó là nhất niệm, nhất niệm ở đây là nhất niệm hiện tiền, không phải niệm đã qua, không phải niệm chưa đến.

Hành Giáo Tín Chứng viết: “sở dĩ gọi là nhất niệm là bởi tín tâm không có niệm khác nên gọi là nhất niệm, nên có tên nhất niệm. Nhất tâm là nguyên nhân chính để đến báo độ thanh tịnh. Người chứng được chân tâm kim cang thì vượt được năm thú tám nạn, chắc chắn đời này sẽ được mười điều lợi”.

Nhất tâm nhất niệm, thế gian hay xuất thế đều coi trọng. Điều đáng sợ nhất là gì? Là những tạp lẫn trong ý niệm, tâm không định tĩnh là hồng, tất cả mọi thứ đều hư hại. Với bản thân mình, thứ nhất là sức khỏe không có, yếu đuối, người nhất tâm nhất niệm đòi hỏi một thể lực mạnh mẽ, anh ta là người không bệnh tật, vì sao vậy? Nếu bệnh tật thì những cơ quan, tế bào trên cơ thể chúng ta đã bị ô nhiễm, ô nhiễm tức có độc tố, ngày nay gọi là mầm bệnh. Khi tâm thanh tịnh thì mầm bệnh liền biến mất, tự nhiên phục hồi như cũ, đó là sức khỏe, là người có phước. Vì thế nhất tâm nhất niệm là người có phước, nơi anh ta ở được gọi là người có phước ở đất phước, nơi đó sẽ không còn những tai nạn. Vì sao vậy? y báo tùy chánh báo để thay đổi, đây gọi là người tu hành chân chánh đang cư trú tại nơi đó, làm sao thiên tai có được! Thiên tai là do tâm ác kéo đến, sát đạo dâm vọng sẽ kéo đến thiên tai, tự tư tự lợi sẽ kéo thiên tai đến, tham sân si mạn sẽ kéo thiên tai đến, nếu không có những thứ này thì làm sao có thiên tai? Phải biết thế giới Cực lạc khác biệt với nơi chúng ta đang sống ở đây như thế nào? Quý vị thấy những người đang sống bên cõi đó toàn là những người tốt. Nơi địa cầu chúng ta đang sống ở đây trái ngược hoàn toàn mười điều thiện, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều tạo ra mười điều ác, người làm mười điều ác, thứ nhất là thân thể nhiều bệnh, nhiều tai nạn, nhiều phiền não, nhiều bệnh khổ, nơi cư trú xảy ra nhiều biến cố. Chúng ta đã đọc kinh Đại thừa nhiều năm, dần dà sẽ hiểu ra được. Thế giới tây phương là tịnh độ, nguyên nhân để có tịnh độ đó là tâm thanh tịnh, tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất niệm là niệm thanh tịnh, đây là nhân chân chính của thế giới Cực lạc.

“Người có được chân tâm kim cang”. kim cang được ví là sự rắn chắc, chân tâm mãi mãi không bị biến mất, vì thế nó vượt lên năm thú, tám nạn. Năm thú là luân hồi sáu đường, quý vị đã vượt lên luân hồi sáu đường. Trong tám nạn bao gồm tam tai, hoá giải được tam tai tám nạn. Địa cầu chúng ta

đang sống đây là ba tai tám nạn. Chắc chắn đời sống này sẽ được mười điều lợi ích, mười điều lợi ích trong đời này.

Điều thứ nhất: “Được người không thấy mặt giúp đỡ”, trong nguyên văn lược bớt, chúng ta bỏ sung vào, “người không thấy mặt” là ai? Người trong thế giới quỷ thần, họ tôn trọng, giúp đỡ quý vị. Những việc như thế này trong số chú của chư vị cô đức nhà Phật nói rất nhiều, nếu chúng ta lưu tâm, trước mắt quý vị cũng có thể thấy.

Thứ hai: “Đầy đủ chí đức”, đầy đủ chí đức ở đây có nghĩa tánh đức trong tự tánh, chỉ tánh đức mới biến thành chí đức, đầy đủ là không thiếu điều gì. Trong văn hoá truyền thống xưa cũng nói đến chí đức, đó là: Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức, đều là chí đức, đã đầy đủ trong tự tánh. Trong Đại thừa thì có giới luật Thập thiện, Tam qui. Chúng ta đang cùng tu học với những người học Tịnh độ tông, gồm năm mục, chúng ta cũng không cần làm phức tạp thêm vấn đề, mọi người chỉ cần ghi nhớ: Tịnh nghiệp tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, mười nguyện Phổ hiền, đó là chí đức, trong mỗi đức mục đã đầy đủ vạn đức vạn hạnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “một tức là nhiều, nhiều tức là một”, một không khác nhiều, bản thân chúng ta có không, không phải không có, nhưng tại sao không biến nó thành cuộc sống hàng ngày của chúng ta?

Thứ ba: “Chuyển ác thành thiện”, có người hỏi dự báo về thiên tai năm 2012 của người Maya có thật không? Trên thế giới này, nếu tin thì sẽ có, dân số chiếm 50%, năm mươi năm mươi, nhưng còn một nửa không tin, người không tin nhưng quỷ thần tin. Trong xã hội ngày nay, Trung quốc cũng vậy, ngoại quốc cũng vậy, việc ma quỷ áp vào người, tôi đã từng hỏi một người bạn học từ Mỹ trở về: Ở Mỹ có chuyện ma nhập không? Có đấy. Nhật bản có hiện tượng ma nhập không? Có, anh ta nói với tôi. Ma nhập là hiện tượng ma nhập vào thân mình để nghe ngóng một số tin tức.

Một số quốc gia rất thịnh hành phép thôi miên, trong quá trình thôi miên người ta cũng moi được rất nhiều tin tức, thôi miên làm cho một người nào đó quay trở lại cuộc sống đã trải qua, một đời, hai đời, ba đời, đôi lúc còn có thể quay lại mấy mươi đời. Điều này nói lên cái gì? Chúng mình có luân hồi. Lúc tôi đang ở Mỹ, có một bạn học mang cho tôi một báo cáo, hoàn toàn của người nước ngoài, có người đã từng là súc vật, có người từ cõi trời xuống, có người từ hành tinh khác đến địa cầu này để đầu thai. Những điều Phật dạy trong kinh không phải dối trá, chúng ta làm sao đương đầu với thiên tai? Ngay cả Bồ Lai Đẳng người Mỹ cũng nói, ông chỉ nói đơn giản ba câu, hoàn toàn tương ứng với Phật pháp, ông ta hi vọng mọi người trên toàn thế giới, năm 2012, mọi người nên nhìn lại mình, nên tỉnh ngộ, bỏ ác làm lành, giống như ở đây chúng ta đang nói “chuyển ác thành thiện”, giống nhau về ý nghĩa. Bỏ ác

làm lành, cải tà qui chánh, đoạn chính tâm niệm. Khởi tâm động niệm tương ứng với tánh đức, đâu cần gì nhiều quá, phiền phức quá, chỉ cần dùng mười hai chữ của người xưa là được, khởi tâm động niệm không xa rời mười hai chữ này, đó là: Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hoà bình. Nếu giữ được như thế thì thiên tai năm 2012 có thể thoát được. Không những hoá giải được mà còn đưa địa cầu sang một hướng tốt hơn, những lời này là thật chứ không phải đùa. Nhưng vấn đề lúc này là được bao nhiêu người dám quay đầu? Bao nhiêu người tin tưởng? Mấu chốt là vấn đề niềm tin. Chúng ta hi vọng vào những người có niềm tin chúng ta mới dám làm, chúng ta mới có thể đưa lí luận của các bậc tiên Thánh ngày xưa, biến thành tư tưởng của chúng ta, những lời giáo huấn của các bậc tiên Thánh trở thành những hành động hàng ngày của chúng ta. Lúc đó chúng ta tự cứu mình, cứu được xã hội, cứu được thế giới, công đức vô lượng.

Trong tất cả các phương pháp vừa nói trên, phương pháp hoàn thiện hoàn mỹ nhất, được trời đất quý thần khen ngợi nhất không gì bằng niệm A Di Đà Phật. Niệm A Di Đà Phật được chư Phật khen ngợi, tất cả quý thần tán thán. Vì thế pháp môn niệm Phật của chúng ta lấy niệm Phật làm chánh tông, không xem nhẹ, nhất định chuyển ác thành thiện. Ngày trước, không ai giáo huấn nên không biết, tạo nhiều nghiệp ác. Bây giờ đã rõ, sám trừ nghiệp chướng, sám trừ như thế nào? Lúc mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi: “Phật pháp trọng thực chất, không nặng hình thức”, đó là câu ngài đã dạy tôi, chúng ta tin tưởng tất cả những câu này là của những bậc tổ đức truyền lại.

Khi tôi ở Singapore, một hôm cùng dùng bữa với tổng thống Natan, lúc bấy giờ ông chưa làm tổng thống, ông đang làm đại sứ của Singapore tại Mỹ, vừa mới mãn nhiệm trở lại Singapore, nên chúng tôi có thời gian dùng cơm, sau khi làm tổng thống tôi vẫn thường gặp ông, ông ấy bảo tôi: Tôi là người Ấn độ, theo Ấn độ giáo nhưng ông rất khâm phục Phật giáo, ông bảo Phật giáo rất chuộng thực chất, xem nhẹ hình thức. Vừa nghe, tôi kinh ngạc, ông ta là người cùng tôn giáo chứ không phải ngoại đạo. Tôi chưa nghe ai nhắc đến sau khi nghe đại sư Chương Gia nói với tôi câu này, chỉ nghe ông ta nói một câu giống hệt đại sư Chương Gia: Trọng thực chất, không để ý đến hình thức.

Sám hối như thế nào? Sám hối là nguyện sau này không lập lại lỗi cũ. Quý vị nhận ra mình làm sai thì sau này không tái phạm nữa, đó là cách sám hối đúng đắn nhất. Sám hối đúng theo thể thức rồi, ngày mai lại tiếp tục tái phạm thì đó không phải sám hối, đó là giả, không phải chân thật. Vấn đề này chúng ta phải biết rõ, phải tỉnh giác. Thật sự giác ngộ rồi, làm gì có lý không cải tà qui chánh! Vì thế mấu chốt là ở chỗ phải tỉnh giác, đó là điều tại sao khi còn tại thế, đức Phật trải bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta thử xem lại trong kinh điển, đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cùng ngời niệm

Phật với đại chúng được một ngày. Nếu có sự kiện này, thì những cuốn sách lớn đã ghi chép lại, nhưng không thấy. Phật Thích Ca Mâu Ni không cùng ngồi thiền với tất cả mọi người hết một cây hương, sự kiện này cũng không thấy sử sách chép lại, vì sao vậy? Là bởi như câu ngôn ngữ nhà Phật nói: “Thầy hướng dẫn bước đầu, nhiệm vụ tu hành là của cá nhân”. Thầy giáo chỉ bày chân tướng của sự thật, đã dạy cho chúng ta bài học rất rõ ràng về thực tướng các pháp, còn tu tập như thế nào đó là việc của mỗi người, thầy giáo không hỏi, không quản lí những công việc của ta đâu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị xem làm được mục nào thì làm. Vì thế Phật pháp là người dẫn đường, sau khi đã rõ ràng thì tự mình phải sửa đổi, lối nghĩ sai lầm thì sửa đổi cách nghĩ, lời nói việc làm không đúng thì sửa đổi lời nói việc làm, đấy gọi là tu hành đúng pháp. Tu hành tức là sửa đổi những hành vi sai trái. Cách nghĩ là hành vi của tâm, của ý.

Vấn đề phiền phức nhất hiện nay là tâm đã hỏng, họ toàn nghĩ đến những việc tiêu cực, không nghĩ những chuyện tốt đẹp, toàn mê lầm, không giác ngộ. Đọc kinh không hiểu, nghe pháp không thông, điếm sai lầm là ở chỗ này. Sao chúng ta không hiểu? Vì hoài nghi, những đứa trẻ ngày nay, từ nhỏ nó đã được dạy biết nghi ngờ, cho rằng không hoài nghi thì không có trí tuệ. Nhưng từ xưa đến nay, người xưa đã dạy con người đừng hoài nghi, dạy cho chúng nó thật thà. Khoa học được phát hiện nhờ sự nghi ngờ, nhưng đạo đức luân lí mà nghi ngờ thì hỏng, hoài nghi trong môn tâm tánh thì không thể khế nhập được, vì thế đại sư Ấn Quang nói: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần lợi ích, ngàn lần thành kính thì được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính thì được vạn phần lợi ích”, một chút hoài nghi là hỏng toàn bộ, môn học tâm tánh đòi hỏi từ trong định quý vị mới thể hội được, tâm ý bỗng bật thì chỉ đứng ngoài cửa. Pháp thế gian và xuất thế không giống nhau, cầu chân lí, cầu trí tuệ, nên dùng phương pháp truyền thống của người xưa, và phương pháp Phật giáo Đại thừa. Nếu so với phương pháp khoa học hiện nay thì Phật pháp thông dụng hơn. Quý vị xem họ phải vất óc để suy nghĩ như thế, phải dùng toán học để tính, dùng những máy móc tinh vi để soi chiếu mới phát hiện ra, nhưng từ ba ngàn năm trước, không máy móc, không có dụng cụ hỗ trợ, nhưng trong thiên định đức Phật đã phát hiện, trong thiên định đã thấy được khởi nguyên của vũ trụ, phát hiện ra vật chất, tinh thần, tự nhiên, rốt cuộc từ đâu mà có. Những gì khoa học ngày nay phát biểu không thể rõ ràng, thấu đáo như những gì Phật giáo đã nói. Chúng ta có thể tin tưởng những gì đức Phật nói không? Không chỉ một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy được, mà Phật còn nói cho chúng ta, nếu ai chứng được Bát địa trở lên đều có thể thấy. Trong năm mươi hai cấp bậc của Đại thừa, bắt đầu từ thập tín, thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, tổng cộng năm mươi hai cấp. Năm cấp cao nhất là Bát địa, Cửu địa, Thập địa,

Đẳng giác, Diệu giác, tất cả những vị chứng quả này đều có thể thấy, điều đó không phải đùa. Những người chứng năm quả vị đó có bao nhiêu? Không thể tính hết. Trong thiên định họ có thể quán sát hiện tượng khởi nguyên của vũ trụ, từ đâu mà có vô thị vô minh, A lại da thức từ đâu mà có, những hiện tượng này được phát triển ra sao, cuối cùng vẫn quay lại tự tánh, đó là một vòng tuần hoàn lớn, rất thú vị. Từ một niệm bất giác mà A lại da xuất hiện, cuối vòng tuần hoàn là thành Phật, không thấy nó nữa.

Trong báo cáo của những nhà khoa học vật lí nghiên cứu sâu rộng về vũ trụ, họ bảo những vụ trụ được tìm thấy chỉ thấy được 10% cả hành tinh đó, còn lại 90% không thể thấy được, nghe những thông tin này, chúng ta sẽ phì cười. Nó đi đâu rồi, họ không biết, nhưng chúng ta biết, nó đã quay về tự tánh, cũng có thể nói, họ chỉ thấy được vũ trụ của cõi Thật báo nhưng không thể thấy được cõi Thường tịch quang, bởi cõi Thường tịch quang không có hiện tượng. Giới khoa học chỉ có thể tiếp xúc với những thứ có thể sờ mó được, như hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Nhưng cả ba yếu tố này không có trong tự tánh. Tự tánh là một thực thể thanh tịnh tròn đầy, không có ba yếu tố nói trên, vì thế nhà khoa học không có cách gì để đo lường nó được. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Những nhà khoa học lượng tử bảo là trong cái không mà sinh ra, Phật bảo nó được sinh ra từ thể tự tánh thanh tịnh viên minh. So với khoa học, đức Phật nói rất cụ thể, là bởi trong thể tự tánh thanh tịnh viên mãn không có ba yếu tố, nên thường dùng không để thí dụ, không ở đây không phải là không có gì cả, nó tồn tại, và không lúc nào không có, không nơi nào không có. Nếu nó không tồn tại thì không thể thấy hình tướng, hình tướng đều nhờ nó mà có mặt, ngay cả trong hư không nó cũng hiện ra. Thời phân là thời gian, phương phân là không gian. Những điều này được nói trong Bách pháp minh môn, hai hình thức này được liệt vào ‘bất tương ưng hành pháp’, bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn thứ. Nói theo cách nói bây giờ, bất tương ưng hành pháp là khái niệm trừu tượng, không phải sự thật, hoàn toàn là khái niệm trừu tượng. Quý vị xem, đức Phật nói rất rõ ràng! Vì thế nếu nhà khoa học học thêm giáo pháp Đại thừa thì họ thành công nhanh hơn nữa, vì tâm của họ đã gần với sự thanh tịnh, họ chưa có tâm thanh tịnh nên họ không thể nhận ra.

Hôm qua tôi đi tham quan Cao Hùng, thấy họ thí nghiệm nước, những người làm thử nghiệm nước đòi hỏi phải có tâm an tịnh mới thấy được sự kết tinh của nước, nếu tâm họ không thanh tịnh, dao động thì không thể phát hiện ra. Quý vị xem, ngay chuyện này thôi mà còn cần công phu định tĩnh mới có thể thấy được những bọt tuyết trong nước kết tinh lại.

Thứ tư: “Chư Phật giúp đỡ”, khẳng định quý vị là người tốt, thiện tương ứng với thiện, nếu thanh tịnh thì sẽ ứng với Phật, nếu thanh tịnh bình đẳng

giác thì chắc chắn được Phật giúp đỡ, Phật giúp đỡ, gia hộ quý vị. Khi quý vị lạc mất phương hướng, ngài sẽ giúp quý vị quay về đường chánh, ngài sẽ dùng tất cả những phương pháp hay nhất có thể để gia hộ quý vị, tâm từ bi đạt đến cùng cực. Vì sao ngài dùng phương pháp này? Vì ngài biết rằng ta với ngài là một, chúng ta không biết nhưng ngài biết, nên nhất định ngài sẽ đến cứu giúp. Giống như chúng ta có một tê bào bị nhiễm bệnh, ta muốn chữa trị cho nó khỏi, vì sao vậy? Vì ta biết rằng nó với ta cùng một cơ thể, có thể nó không biết tê bào khác. Phật, Bồ tát hiểu rõ vô duyên tâm đại từ, đồng thể đại bi, không cần điều kiện.

Ngày nay chúng ta gặp người có tâm tốt, tâm thiện đối xử tử tế với mình, đa số mọi người sẽ phản ứng thế nào? Cảnh trọng, để xem cuối cùng họ có dụng ý gì với mình không? Họ muốn gì? Quý vị sẽ nghi ngờ họ ngay, không vội tin, không tin trên đời này có người tốt như vậy, xã hội bây giờ là như thế. Song ngày trước mọi người đối xử với nhau bằng niềm tin. Từ bé chúng tôi ở nông thôn, thôn xóm cũng có tiệm buôn, muốn mua hàng hoá thường mua chịu, chỉ khát một câu là mọi người đã đồng ý, giữ lời, thậm chí khi nói quên ghi nợ thì đến hẹn người mua vẫn đến trả đủ số tiền, người kia bảo đã quên rồi, ngày đó đã quên ghi nợ, anh không ghi nợ. Ngày đó mọi người sống với nhau bằng niềm tin, bây giờ người với người không còn tin nhau. Người khác không giữ niềm tin nhưng ta phải giữ.

Những ngày đầu mới học Phật, cuộc sống tôi cực kì gian khổ, chùa Thiện Đạo có một gian phát hành kinh sách, gian này được giao cho một cư sĩ quản lí, đôi lúc chúng tôi thấy một cuốn nào hay bèn mang đi, nhưng bảo với ông: Lúc nào có tiền tôi sẽ đến trả ông, đôi lúc ông ấy nhớ, nhưng có lúc ông không nhớ, mấy tháng sau đó tôi mang tiền đến trả, ông đã quên mất, hỏi tôi: Có vụ này nữa a? Tôi thưa: Có ạ, sách đang ở chỗ tôi. Nghe thế, ông ấy vui lắm. Bây giờ những người như thế này không còn bao nhiêu. Nếu thực sự hiểu rõ nhân quả, sát sinh phải đền mạng, mắc nợ phải bồi thường, thì liệu dám làm tổn thương người khác không? Không bao giờ. Có dám mắc nợ rồi lại lường đảo người ta không? Không dám. Vì sao vậy? Vì người thiệt thòi là ta, chứ không phải người khác. Người xưa có câu: Thiệt thòi là phước, hiếm có hồ đồ. Hồ đồ là gì? Không kì kèo với người khác, người ta tranh mất món lợi của mình, coi thường mình, mình đừng tranh hơn thiệt, đó là điều tốt. Mạng đã có thì chắc chắn có, đuổi nó cũng không đi, mạng đã không có thì muốn cũng không được, tìm hết cách để mong cầu cũng không được, thực sự muốn mong cho được thì tốt hơn hết là số của quý vị đã có, cần gì phải vất vả như thế? Vì thế con người cần phải hiểu sâu sắc về đạo lí nhân quả, lúc đó tâm ta mới định được, tuyệt đối không được làm càn. Phải hiểu làm việc tốt thì có kết quả tốt, làm ác thì nhận quả ác. Vấn đề nhân duyên quả báo, đã có rất nhiều sách vở ghi chép, không phải chuyện đùa.

Trong tác phẩm Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh toàn những chuyện quỷ thần. Hồi nhỏ đã đọc một lần, tôi cho rằng những chuyện đó là có thật, vì sao vậy? Tôi đã tận mắt chứng kiến, không phải giả, tôi thấy được hồ ly tinh. Thời kỳ chiến tranh, lúc bấy giờ có lẽ tôi mười lăm mười sáu tuổi gì đó, ở trọ nhà một người nông dân, nhà này rất nghèo khổ, ngày trước là một gia tộc lớn, nhà họ có nhiều phòng, những phòng trên lầu đã mười mấy năm không ai đặt chân đến, một con hồ ly đã ở trên đó, vẫn thường chạy xuống bên dưới, lúc này nó đã biến thành hình người. Một con hồ ly bình thường phải năm trăm năm tu hành mới có thể làm người, đại khái là nó sắp thành hình người, nhưng mặt mũi hơi mờ nhạt, chưa lộ rõ mặt người, rất nhiều người trông thấy, tôi cũng thấy một lần. Chưa ai thấy rõ mặt mũi nó thế nào, đa phần chỉ thấy một cách mờ nhạt. Người ta thấy nó khoác một chiếc áo dài, hình dáng người đàn ông. Họ lại tiếp tục dò la, thấy thế nó quay ngoắt, từ đó không ai nhìn thấy nữa, ai cũng biết nó đang ở trên lầu. Đó là một câu chuyện thật, không phải chỉ một người nhìn thấy hay do hoa mắt mà có rất nhiều người tận mắt nhìn thấy, và biết nhà kia có con hồ li đang ở trên lầu. Nhưng rất may là không có chuyện gì xảy ra, nó cũng không làm hại ai bao giờ, nên cũng không ai lên trên lầu để tìm nó làm gì, đó là một câu chuyện.

Sau này khi cuộc kháng chiến thành công, tôi lại gặp một chuyện kì lạ khác, đó là ông chú họ của tôi, ông ấy là một nông dân, từ làng ông đưa một thuyền thóc đến Nam kinh bán. Lúc bấy giờ mọi người vẫn quen dùng thuyền buồm, nếu dùng thuyền buồm đi từ quê tôi đến Nam kinh phải mất ba hôm, cả đi lẫn về mất một tuần. Từ nhà đến Nam kinh là thuận buồm, xuôi nước, nên thuyền đi khá nhanh. Khi chèo thóc lên thuyền, có người thấy một con vật như chuột lông vàng nhảy từ dưới tấm ván lên thuyền, mọi người lấy làm lạ, cùng nhau tìm, chuyển hết thóc xuống vẫn không thấy, họ cho rằng chắc nhìn nhầm. Lúc thuyền đến Nam kinh thì phát hiện trên thuyền không còn một hạt thóc, những bao gai vẫn y nguyên nhưng ruột đã rỗng, lúc đó mọi người mới nghĩ những gì họ nhìn thấy là không nhầm, nói chung là thóc đã bị con chuột kia mang đi đâu hết. Không còn cách nào khác đành ở lại Nam kinh mấy hôm rồi dong buồm về quê, về quê, thấy thóc đã nằm hết trong kho, không biết con chuột kia làm sao có thể đưa hết số thóc kia về kho, không ai hiểu được. Đây là một câu chuyện tôi tận mắt nhìn thấy, đây không phải là chuyện đùa, nó đem cả một thuyền thóc đó về, không để lại một hạt. Người ở quê nói, có thể các vị đã đắc tội với nó nên nó đùa chút thôi, nó không có ý làm hại các vị đâu. Những chuyện như thế quý vị phải tận mắt chứng kiến mới có thể tin được.

Lão cư sĩ Chu Kính Trụ có lần nói với tôi rằng ông ấy đã từng thấy quỷ, ông ta tin chuyện đó rồi sau mới học Phật, bố vợ ông ấy là Chương Thái Viêm là một Phật tử nên không tin chuyện đó. Những năm đang chiến tranh ông ta ở

Trùng Khánh, ông ấy học Kinh tế, ông ta nói với tôi, lúc bây giờ ông ta đang làm Cục trưởng thuế vụ hai tỉnh Tứ xuyên và Tây khương, khi kháng chiến thành công, ông ta là người Triết giang, về Triết giang ông làm Trưởng phòng tài chính. Lúc ở Trùng Khánh, một hôm, trời đã về chiều, mấy anh bạn đánh bài, đến hơn hai giờ khuya mới nghỉ, khi trở về, thấy có đèn đường, xa xa mới thấy một ngọn, công suất độ 20w, chỉ thấy ánh sáng của nó, không thấy đường đi, họ đành vạch ra một hướng đi. Giữa đường trong đêm tối trở về, họ thấy trước mặt một người phụ nữ đang đi, cô ấy đi một mình nên không ai có cảm giác gì. Đi được độ nửa giờ, bỗng nhiên họ nghĩ, khuya khoắt thế này làm sao có người phụ nữ đi một mình giữa đường? Khi trong đầu nghĩ đến chuyện đó, họ bắt đầu nổi da gà, nhìn kỹ, người kia chỉ có phần trên không có phần dưới, hét lên một tiếng, không thấy gì nữa. Trở về, suốt đêm không ai chợp mắt được, họ tận mắt nhìn thấy, họ tin, tuyệt nhiên không phải hoa mắt. Đi cùng cô gái hơn nửa giờ mới tin được. Những người này tôi rất thân, lúc bảy giờ tôi độ hai sáu tuổi, vừa mới theo học thầy Đông Phương Mỹ và cũng bắt đầu làm quen với giáo lý Phật giáo. Lúc này thầy đã sáu mươi chín tuổi, kém một tuổi là bảy mươi, thầy cùng tuổi và cũng là bạn thầy Lí, thầy đã chứng kiến và trải qua rất nhiều chuyện li kì cổ quái như thế và đều kể cho tôi nghe hết, thật, không chút giả dối. Vì vậy chư Phật gia hộ.

Thứ năm: “Chư Phật khen ngợi”, chư Phật khen ngợi người niệm Phật, khen ngợi đệ tử Phật Di Đà, thực sự học Phật A Di Đà, nương vào kinh Vô lượng thọ để tu tập, siêng năng đọc kinh, nếu đọc nhiều thì chắc chắn biết được đạo lý. Đạo lý này không quá khó hiểu, nếu chuyên tâm đọc một bộ kinh thì tâm được định tĩnh. Đọc kinh là tu định, cùng lúc tu tuệ, định tuệ ngang bằng nhau. Ngoài ra những người này được Phật gia hộ.

Hoàng Niệm Lão cũng học Mật tông. Mật tông bàn về quán đánh, ông đã giải thích quán đánh không giống như những người khác. Đánh, là đánh pháp cao nhất trong Phật pháp, quán là gì? Có nghĩa trao truyền. Trao truyền đại pháp cao nhất của nhà Phật cho một người nào đó, gọi là quán đánh, ý nghĩa của nó là như vậy. Kinh Vô lượng thọ là đánh pháp, cung kính đọc từ đầu đến cuối một lần là một lần các vị được chư Phật Như Lai quán đánh, quý vị có thực hiện được không? Nếu tâm tán loạn sẽ không có công đức, quý vị phải thực sự cung kính đọc kinh này, chư Phật mới gia hộ, mới quán đánh cho. Mỗi ngày sớm tối đọc một lần thì buổi sớm quý vị được quán đánh một lần, ban tối được quán đánh một lần. Năm, ba năm như thế, quý vị sẽ chứng được niệm Phật tam muội.

Cư sĩ Lưu Tố Vân là người học theo pháp này và bà đã gặt hái được những thành công nhất định. Ngoài việc đọc kinh, bà còn nghe đĩa giảng kinh. Có lần, đang cầm trên tay đĩa giảng kinh, bà nói với tôi: Đây là đĩa thầy giảng

ở thư viện Hoa tạng Đài loan, rất sớm, lần thứ hai hay lần thứ ba. Bộ kinh này đã được giảng mười lần, lúc bấy giờ vẫn chưa có bản chú giải của Hoàng Niệm Lão mà vẫn căn cứ theo những lời ghi bên lề sách của thầy Lí, theo bản đó để giảng. Một bộ kinh như thế giảng độ chín mươi lần, một lần lúc đó độ nửa giờ, mất một trăm giờ mới giảng hết. Bà nói với tôi: Mỗi ngày bà nghe một đĩa mất một giờ, sau này người ta tập hợp lại thành đĩa thì tôi không biết độ dài bao nhiêu, nhưng trước đó sử dụng băng ghi âm, chỉ có tiếng, không có hình ảnh. Mỗi ngày bà nghe một giờ, nhưng mỗi một giờ như thế nghe đi nghe lại đến mười lần, và bà đã rút ra được một câu nói: “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Mỗi ngày đều như thế, nghe xong một bộ lại nghe lại từ đầu, mười năm như thế không gián đoạn, cuối cùng bà được tam muội. Tâm bà thanh tịnh, tâm đã định, bà đã đưa phụ thân của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đến thế giới Cực lạc, người khác không làm được. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: Một người khi lâm chung, các con phải thực sự thương quý họ, giúp đỡ họ, các con làm cho họ nhẹ nhàng rời bỏ thế giới này, đừng động chạm đến họ. Vì nỗi đau khổ khi linh hồn xa lìa thể xác, được kinh điển ví như một con rùa sống bị lột mai, khi một con rùa đang sống mà ta cố gắng lột cái mai nó ra, linh hồn lia khỏi thể xác cũng đau đớn như thế, rất khó khăn. Vì thế chúng ta phải niệm Phật để giúp đỡ họ, phải trợ niệm, đừng đụng đến thân thể họ, trong tám giờ, ngay cả giường nằm của họ cũng không nên đụng đến, vì sợ họ bực bội, khi đã bực bội, sân hận, họ dễ đọa lạc. Vì thế chúng ta chỉ đứng cạnh niệm Phật giúp họ. Công tác cấp cứu trong những bệnh viện hiện nay không được tốt, cấp cứu là một dạng hình phạt của địa ngục, rất đau khổ, như thế làm sao bệnh nhân không oán hận? Khi sống mang lòng oán hận thì lúc mất sẽ rơi thẳng vào địa ngục.

Thứ sáu: “Tâm quang thường hộ”. Tâm quang ở đây là gì? Tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mới phát ra ánh sáng, nếu khai ngộ thì ánh sáng của tâm ấy càng tỏ hơn. Tâm quang thường hộ có một điểm đặc biệt nữa là những người oán ghét, nợ nần không thể đến gần mình, rời xa mình, yêu ma quỷ quái cũng không thể đến gần mình được. Chư Phật, Bồ tát thấy cũng vui vẻ, chư Phật Bồ tát gia hộ, ánh sáng của quý vị càng lớn hơn.

Thứ bảy: “Tâm được vui vẻ”, kinh Đại thừa nói: Thường sanh hoan hỷ tâm, pháp hỷ sung mãn. Người có tâm vui vẻ dứt khoát sẽ sống khỏe và trường thọ. Khi học Phật chúng ta mới hiểu rõ được, nguồn gốc của sức khỏe đó là sự lạc quan. Chư vị cổ đức có câu: Người có niềm vui thì tinh thần sáng khoái. Có đủ dưỡng chất thể nào đi nữa cũng cần tâm bỏ lòng hoan hỷ, tâm hoan hỷ trong Phật pháp đó là thanh tịnh, không ô nhiễm. Không phải bắt được vàng hay đạt được danh vọng mới hoan hỷ, tâm hoan hỷ này không có thứ gì có thể sánh được.

Thứ tám: “Tri ân báo đức”. Với ta, tất cả cả chúng sanh đều có ân đức, nơi chúng ta đang sống, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, đều là ân nhân của ta. Không hiểu rõ nên họ không biết, nếu hiểu rõ, cần báo ân tất cả. Báo ân như thế nào? Dùng tâm hành của ta. Nói một cách cụ thể, dùng một tiếng A Di Đà Phật. Trong lòng chúng ta nghĩ đến Phật A di đà, miệng niệm Phật A di đà, đưa nguyện Phật A di đà, đưa lòng từ bi của Phật A Di Đà áp dụng vào đời sống, áp dụng vào công việc, áp dụng vào việc đối nhân xử thế, đó là cách báo ân đức Phật.

Thứ chín: “Thường thực tập lòng đại bi”, mỗi tâm niệm của Phật đều không rời bỏ chúng sanh, chúng sanh ở đây được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các hiện tượng do các duyên hợp mà sanh khởi thì gọi là chúng sanh. Tất cả vạn sự vạn pháp cả hư không pháp giới, có vật gì là không nhờ chúng duyên hoà hợp đâu? Vì thế, nói theo cách nói hiện nay, chúng duyên hoà hợp bao gồm thực vật, động vật, khoáng vật, tất cả đều là chúng duyên hoà hợp. Chúng ta nên khởi lòng từ bi với tất cả những hiện tượng. Bi là giúp họ lià khổ, đi ngược lại với tự tánh là khổ, bất hiểu bất trung là khổ, không nhân không nghĩa là khổ. Chịu khổ trong kiếp này họ còn có sự cảm nhận chứ đến lúc mất đi mà đọa vào ba đường ác lại đáng thương hơn. Làm thế nào để giúp đỡ họ? Giúp họ giác ngộ, giúp họ nhận rõ chân tướng sự thật. Vì vậy việc làm cụ thể đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy chúng ta, bốn mươi chín năm dạy học, dạy học là việc làm cứu khổ cứu nạn thiết thực nhất. Khổ là do mê lầm, vui là nhờ giác ngộ, muốn giúp chúng sanh lià khổ được vui thì không gì hơn chuyển mê khai ngộ. Hết mê lầm thì khổ không còn, giác ngộ đích thực thì vui tìm đến, pháp hỷ sung mãn, trước đây đã nói “tâm vui vẻ, phán khởi”. Đây là phương pháp thiết thực nhất, chúng ta nên thực hiện theo phương pháp này. Vì sao chư Phật không ngại gian khổ để giáo hoá chúng sanh? Đó là do ngài có lòng thương. Giáo hoá là lòng thương, từ và bi là hai mặt của một vấn đề, là một không phải hai. Không tử nói trung thứ, Phật pháp giảng từ bi.

Lần này tôi đến Austraylia, một người trong chính phủ của Austraylia muốn gặp tôi, chúng tôi là bạn bè. Ông ta nêu vấn đề: Trước một xã hội hỗn loạn, có hai vấn đề, một là thể chế. Ông ta nói với tôi, tôi chưa từng nghe ai đề cập, người phương Tây đã bắt đầu có sự nghi ngờ chế độ dân chủ, liệu dân chủ có phải là chế độ tối ưu? Họ đặt vấn đề như thế. Thứ hai, những biến động của xã hội ngày nay, liệu có phương pháp nào để cứu vãn để nó trở lại như lúc đầu? Vấn đề thứ nhất tôi nói với ông: Ngày nay vấn đề này không phải là vấn đề chế độ, mà là lòng người, nhân tâm ngày nay đã bị băng hoại, chế độ nào cũng không vực dậy được. Cho dù có một chế độ tốt hơn nhưng lòng không nghĩ thiện, không làm việc thiện thì không làm gì được. Nếu mỗi người đều là người tốt, là những người quân tử, Thánh hiền, cho dù một chế độ không tốt thì những con người trong đó vẫn làm nên chuyện tốt. Người tốt, tâm tốt, vấn

đề này cần nhận thức thật rõ ràng. Cuối cùng ông ta đồng ý với cách nghĩ của tôi. Vấn đề là làm thế nào để làm tốt công tác giáo dục, chỉ có giáo dục mới làm thay đổi nhận thức. Ngày trước chúng tôi đã làm thí nghiệm ở Thang Trì, ông ta có nghe và đã đến ở lại đó bốn hôm, ông ta rất rõ, chỉ cần làm tốt công tác giáo dục thì những vấn đề khác đều được giải quyết. Vì thế ngày nay không phải vấn đề chế độ. Giúp xã hội trở lại ổn định, chúng tôi đã đề xuất, đây là những lời của Thang Ân Tử người Anh: Muốn giải quyết vấn đề của xã hội thế kỉ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Đó là nhân, nghĩa trung thứ. Phật giáo Đại thừa đó là: Chân thành từ bi. Hai yếu tố này đủ để giải quyết vấn đề. Vì con người ngày nay không nhận được sự giáo dục của Thánh hiền, không ai giáo dục họ, chuyện học đã băng hoại, toàn học những thứ vô bổ, mọi người ai cũng thích tạo tội. Phải như thế nào? Phải tha thứ cho họ, Khổng tử đã nói: Việc xong không nói đến nữa, việc xong không đề cập nữa, việc đã qua không nhắc lại, không truy cứu nữa. Mong mọi người siêng năng học tập văn hoá truyền thống, học đạo lí làm người, lúc đó vấn đề mới được giải quyết, cần một xã hội ổn định để xoay chuyển. Nếu quý vị trách cứ họ, trừng phạt họ, thì mọi người đều tạo nghiệp, không ai nể phục ai. Việc này có lợi cho một nhóm người, nên số còn lại sẽ cùng hợp sức chống đối quý vị, lúc đó xã hội lập tức loạn lạc, càng loạn lạc càng khổ, mà vấn đề vẫn không giải quyết được. Vậy nên giải quyết vấn đề khi đã ổn định được xã hội. Những quan chức tham ô, họ đã tham những bao nhiêu tiền của, kệ họ, không cần truy cứu. Thế nên tâm họ đã định rồi, không cần truy cứu. Cần phải dùng đạo lí trung thứ, trung là tâm không thiên vị, thứ là thứ tha cho người khác, giáo dục họ, khi họ hiểu rõ rồi, giác ngộ rồi thì họ sẽ hồi tâm. Khi tôi đề xuất phương pháp đó, ông khẳng định: Thật chí lí, cần phải dùng phương pháp này để cứu vãn, không để cho xã hội hỗn loạn, chỉ cần lương tâm họ hiển hiện, họ lấy ích lợi trong việc làm phi pháp của mình đem làm những việc tốt, cũng được; Nếu không đưa vào cũng được, không cần truy cứu, vì không chạy đâu khỏi nhân quả.

Cuối cùng, thứ mười: “Được vào chánh định”, điều này đã nói ở phần trước, chúng ta nhất định phải định tâm trở lại, chỉ khi có định mới có tuệ, lúc đó mới rõ ràng, thấu hiểu được chân tướng của sự thật, không thể hiểu sai, một khi đã sai thì mọi việc sẽ hỏng. Xã hội ngày nay đã đánh mất nền giáo dục dựa trên cơ sở luân lí đạo đức nhân quả nên mới hỗn loạn, Thang Ân Tử đã nói không sai, chúng ta cần giải đáp một cách thiết thực. Lựa chọn tất cả những gì tốt đẹp tinh hoa nhất của Khổng Mạnh, mới có thể giúp đỡ xã hội ngày nay, dán chặt bốn chữ: Người nhân thương người. Nghĩa là gì, nghĩa là thuận theo lí, tức là cách suy nghĩ, nói năng của chúng ta phải hợp tình, hợp lí, hợp pháp, mới có thể làm tốt việc này. Trung là không thiên vị, thứ là tha lỗi cho tất cả những ai đã phạm sai lầm, tha thứ tất cả, không để trong lòng. Tất cả mọi người cùng nhau học tập những lời giáo huấn của Tiên thánh, học tập

kinh luận của Phật, Bồ tát thì vấn đề được giải quyết ngay tức khắc. Mọi người đều phấn khởi để biến đổi xã hội, văn minh trật tự, như thế mới có kết quả như ý.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 386